TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 123/2026/HS-PT Ngày 21 - 4 - 2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Phương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Quang;

Ông Nguyễn Đình Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Linh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2026/TLPT-HS ngày 04 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Đỗ Đăng H và 02 bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2026/HS-ST ngày 21-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Đỗ Đăng H**, sinh năm 1987 tại tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh); nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã N, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Khu phố P, phường B, tỉnh Đồng Nai; Căn cước công dân số: 024087001102; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Đỗ Văn H1, sinh năm 1967, con bà Lê Thị T, sinh năm 1968; có vợ là Trần Thị Kim A, sinh năm 1998 (là bị cáo trong vụ án) và 01 người con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 18/12/2024 đến nay tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Đ; có mặt.

2. **Trần Thị Kim A**, sinh năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Thôn B, xã N, tỉnh Đồng Nai; căn cước công dân số: 077198004374; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; con ông Trần Văn B, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1976; có chồng là Đỗ Đăng H, sinh năm 1987 (là bị cáo trong vụ án) và 01 người con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/12/2024 đến nay; có mặt.

3. **Trương Duy N**, sinh năm 1985 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Thôn H, xã N, tỉnh Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075085001252; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trương Ngọc T1, sinh năm 1960 và bà Trần Thị Xuân H2, sinh năm 1960; có vợ Nguyễn Thị O, sinh năm 1984 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 19/12/2024 đến ngày 22/5/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2024, Đỗ Đăng H và vợ Trần Thị Kim A thuê lại nhà nghỉ “Hà Anh 1” thuộc khu phố P, phường T, thành phố Đ để kinh doanh dịch vụ cho thuê lưu trú. Trong thời gian hoạt động nhà nghỉ "” do việc kinh doanh ế ẩm, không có thu nhập nên H nảy sinh ý định tìm gái bán dâm về nhà nghỉ “Hà Anh 1” cho ở miễn phí với mục đích cho gái bán dâm tìm khách đến nhà nghỉ M nhằm thu lợi bất chính từ việc cho thuê phòng và thông báo cho Kim A biết. H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng gắn sim số 01 (một) 0976.510.279, sim số 02 (hai) 0349.284.672 và điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A25 5G gắn sim số 01 (một) 0869.472.719 và sim số (hai)

0393.424.724 có kết nối mạng Internet rồi truy cập trang web "gaigu32.tv" lấy thông tin số điện thoại của những người bán dâm. H tiếp tục sử dụng điện thoại nhắn tin đến các số điện thoại của các cô gái bán dâm chào mời những người này đến nhà nghỉ "Hà Anh 1" để ở miễn phí bán dâm cho khách. Khi này có nhiều gái bán dâm liên hệ với H để xin đến nhà nghỉ "Hà Anh 1" để ở và bán dâm cho khách thì H đồng ý và bố trí chỗ ở tại tầng 1 hoặc tầng 2, việc ăn uống thì những cô gái bán dâm tự túc. Hàng ngày, khi có khách gọi điện thoại để mua dâm thì những cô gái bán dâm thỏa thuận tiền mua dâm và kêu khách đến nhà nghỉ "Hà Anh 1" để thực hiện hành vi mua bán dâm. H sẽ được hưởng lợi từ tiền khách trả tiền thuê phòng từ 100.000 đồng đến 250.000 đồng. Trong thời gian trên, Kim A cùng phụ giúp H trong việc dọn dẹp phòng sau khi có khách đến thuê phòng nghỉ hoặc khi có việc mua, bán dâm diễn ra tại nhà nghỉ.

Khoảng 13 giờ ngày 18/12/2024, H và Kim A đang ở nhà nghỉ "H" thì Trần Hoàng N1 đến gặp H hỏi số điện thoại người phụ nữ bán dâm ngày hôm trước nên H dùng điện thoại truy cập vào trang "gaigu32.tv" xem thông tin gái bán dâm đang ở nhà nghỉ của H để lấy số điện thoại gái bán dâm tên Nguyễn Thu H3 và đọc cho N1 tự gọi thỏa thuận với H3 về việc thỏa thuận mua, bán dâm. Sau đó, H đưa chìa khóa phòng số 201 cho N1 lên phòng để thực hiện hành vi mua bán dâm với H3 và thu của N1 số tiền 110.000 đồng gồm tiền phòng, tiền nước uống.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Lưu Văn T2 đến đặt phòng nghỉ và nhờ H gọi dùm một người gái bán dâm. Lúc này, H dùng điện thoại truy cập vào trang "gaigu32.tv" xem thông tin gái bán dâm đang ở nhà nghỉ của H để lấy số điện thoại gái bán dâm tên Nguyễn Thị N2 và đọc số cho T2 tự gọi thỏa thuận với N2 về việc mua, bán dâm. Sau đó, H thu của T2 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) tiền phòng và đưa chìa khóa phòng 101 cho T2 để thực hiện hành vi mua bán dâm với N2. Trong lúc H3 và N1, T2 và N2 đang thực hiện hành vi mua bán dâm (quan hệ tình dục) tại phòng "101" và "201" của nhà nghỉ "" thì bị Công an tỉnh B phối hợp với Công an thành phố Đ tiến hành kiểm tra kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra điện thoại của Đỗ Đăng H phát hiện H còn tham gia đánh bạc dưới hình thức cá độ bóng đá thắng thua bằng tiền với Trương Duy N, cụ thể như sau:

Vào khoảng năm 2020, H có quen biết với Phạm Thế L1 (chưa rõ nhân thân lai lịch) nhà ở huyện B, tỉnh Bình Phước và thường xuyên trao đổi nói chuyện với nhau. Đến khoảng tháng 5/2024, L1 rủ H lấy các trang mạng cá cược bóng đá về giao lại cho người khác chơi để tính toán thắng thua nhằm thu lợi bất

chính thì H đồng ý tham gia. L1 đưa số điện thoại 0876.301.900 cho H liên hệ lấy trang cá cược bóng đá, khi gọi điện thoại thì gặp người đàn ông tự giới thiệu tên T3 (không rõ nhân thân lai lịch), H trao đổi với T3 lấy hai trang cá cược gồm: T4 cá cược IBET lấy tài khoản "SJKHC0605", mật khẩu "Ssss2222@"; T4 cá cược SOBET lấy tài khoản "ux7h0502", mật khẩu "Abc123456", hai tài khoản trên là tài khoản quản trị viên dùng để theo dõi kết quả cá cược của người chơi với giá thỏa thuận là 01 điểm (01 USD) trên trang tương đương với 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng). Sau khi H lấy được tài khoản quản trị trên thì L1 đưa số điện thoại 0981.922.379 của Trương Duy N và số điện thoại 0969.370.048 của T5 (không rõ nhân thân lai lịch) để H liên hệ giao tài khoản cá cược và thỏa thuận các trang cá cược giao nhận quy ước với nhau thì 01 điểm (01 USD) trên trang tương đương với 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng), vào ngày thứ 3 hàng tuần sẽ tính thắng thua và thanh toán tiền thắng thua cho nhau thì N và T5 đồng ý. Trong thời gian này, N sử dụng điện thoại Iphone Promax màu xanh gắn sim số 0981.922.379 để đặng ký tài khoản Telegram tên "anh nhân trương" và T5 sử dụng số điện thoại 0969.370.048 để đăng ký tài khoản Telegram tên "s 1" để liên lạc và nhắn tin trao đổi lấy tài khoản cá cược thông qua sim số 0976.510.279 và tài khoản Telegram của H. Sau đó, H sẽ nhắn tin cho T3 thông qua tài khoản telegram tên "Bồi Đầm Già" được đăng ký bằng số điện thoại 0876.301.900 để T3 căt ra các tài khoản con từ hai tài khoản quản trị trên và nhăn tin tên tài khoản và mật khẩu cho H để gửi cho N và T5 tham gia cá cược bóng đá.

Về số tiền đánh bạc thắng thua với người chơi thì H, T3 và L1 ăn chia theo tỷ lệ như sau: Khi giao lại cho người chơi là 01 điểm (01 USD) tương đương số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) thì T3 được hưởng 20.000 đồng tương đương 40%, L1 được hưởng 20.000 đồng, tương đương 40% và H được hưởng 10.000 đồng, tương đương 20%. Từ tỷ lệ trên, H sẽ tính toán thắng thua cụ thể và sử dụng điện thoại Iphone 12 Promax màu trắng, gắn sim số 0976.510.279 và sim số 0349.284.672 để đăng nhập vào hai tài khoản quản trị trên để theo dõi kết quả cá cược của N và T5 để tính toán số tiền thắng thua, đồng thời H sử dụng điện thoại trên đăng nhập tài khoản số 0976510279 ngân hàng V mang tên DO DANG HUY để chuyển, nhận tiền đánh bạc với N và T5.

Trong thời gian từ ngày 02/9/2024 đến ngày 08/12/2024:

- Đỗ Đăng H tham gia cá cược với tổng số tiền 17.842.219.750 đồng, trong đó có 1085 (Một nghìn không trăm tám mươi lăm) lần đánh bạc trên 5.000.000 đồng với tổng số tiền 10.860.253.250 đồng, thắng số tiền 5.132.584.000 đồng, thua số tiền 4.311.590.750 đồng, hưởng lợi bất chính số tiền 820.993.250 đồng;

- Trương Duy N tham gia cá cược với tổng số tiền 11.857.302.750 đồng, trong đó có 873 (Tám trăm bảy mươi ba) lần đánh bạc trên 5.000.000 đồng với tổng số tiền 9.416.484.750 đồng, thắng số tiền 3.048.502.750 đồng, thua số tiền 3.769.329.250 đồng, không thu lợi bất chính.

Quá trình điều tra, Đỗ Đăng H, Trần Thị Kim A, Trương Duy N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

2. Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án số: 16/2026/HS-ST ngày 27/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Đăng H phạm tội "Chứa mại dâm" và tội "Đánh bạc"; bị cáo Trần Thị Kim A phạm tội "Chứa mại dâm"; bị cáo Trương Duy N phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 2 các Điều 321, 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 50, 58 Bộ luật Hình xử phạt bị cáo Đỗ Đăng H 04 (bốn) năm tù về tội "Đánh bạc" và 06 (sáu) năm tù về tội "Chứa mại dâm". Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, buộc bị cáo Đỗ Đăng H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2024.

- Áp dụng khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; các Điều 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Kim A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Chứa mại dâm". Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

- Áp dụng khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Duy N 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc", được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2024 đến ngày 22/5/2025. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lí vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

3. Kháng cáo:

- Ngày 02/02/2026, bị cáo Đỗ Đăng H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị xem lại số tiền nộp thu lợi bất chính; bị cáo Trương Duy N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 04/02/2026 bị cáo Trần Thị Kim A kháng cáo xin hưởng án treo.

4. Quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tội danh:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đỗ Đăng H, Trần Thị Kim A và Trương Duy N về các tội "Chứa mại dâm" và "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 2 Điều 327 và khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định.

- Về kháng cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tình tiết, nội dung vụ án xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù là phù hợp không nặng như kháng cáo đã nêu. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới, xét thấy mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai.

5. Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Các bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi mà các bị cáo đã gây ra, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh:

Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nội dung Bản án sơ thẩm; các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại khoản 2 Điều 327 và tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo H và N phạm tội 02 lần trở lên đối với tội Đánh bạc thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần đầu phạm tội, bị cáo Kim A sau khi phạm tội đã hỗ trợ cơ quan điều tra phát hiện hành vi và người phạm tội khác, đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Tại cấp phúc thẩm: Các bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới.

[4] Về kháng cáo và hình phạt:

4.1. Về tội "Chứa mại dâm".

Các bị cáo Đỗ Đăng H và Trần Thị Kim A bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Chứa mại dâm" với 02 tình tiết định khung là "Phạm tội 02 lần trở lên" và "Chứa mại dâm 04 người trở lên" quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự; cấp sơ thẩm đã xem xét các điều kiện, hoàn cảnh gia đình, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà xử phạt bị cáo H mức án 06 năm tù và bị cáo Kim A 01 năm 06 tháng tù là mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là đã xem xét giảm nhẹ, có sự phân hóa với các bị cáo khác trong cùng vụ án và không nặng như kháng cáo đã nêu. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo H và Kim A không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo H và Kim A phạm tội với 02 tình tiết định khung quy định ở điểm c, d khoản 2 Điều 327 nhưng không áp dụng tại phần Quyết định hình phạt là có thiếu sót.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo Kim A sau khi phạm tội đã hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền phát hiện hành vi và người phạm tội khác mà áp dụng điểm u khoản 1 Điều 51, khi quyết định hình phạt áp dụng khoản 1 Điều 54 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Kim A là chưa đúng với các hướng dẫn quy định tại khoản 19 Điều 2 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

4.2. Về tội "Đánh bạc".

Các bị cáo Đỗ Đăng H và Trương Duy N đã phạm vào 02 tình tiết định khung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Số tiền đánh bạc đặc biệt lớn, cấp sơ thẩm xử bị cáo H 04 năm tù, bị cáo N 03 năm tù là mức án

khởi điểm của khung hình phạt, mức án trên là nhẹ so với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung ấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H và N.

4.3. Đối với số tiền thu lợi bất chính số tiền 820.993.250 đồng từ hành vi Đánh bạc của bị cáo Đỗ Đăng H.

Bị cáo Đỗ Đăng H tham gia đánh bạc với bị cáo N và các đối tượng khác với tỷ lệ thắng thua là 4:2:2; trong đó bị cáo H được chia 02 phần, phần còn lại đã chuyển cho những người tham gia đánh bạc khác, do chưa làm việc được với các đối tượng nêu trên và chưa xác định được số tiền cụ thể mà bị cáo chuyển cho những người tham gia đánh bạc đó nên bị cáo phải chịu trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 820.993.250 đồng từ hành vi đánh bạc.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, bị cáo Trần Thị Kim A là vợ của bị cáo Đỗ Đăng H có đơn xin khắc phục hậu quả, nội dung đề nghị nộp khắc phục một phần số tiền 5.000.000 đồng và đã được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho nộp tiền theo Biên lai thu tiền số 0002024 ngày 16 tháng 4 năm 2026. Như vậy, bản thân bị cáo H và gia đình cũng nhận thức được hành vi sai trái của mình và tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính, vì vậy cấp sơ thẩm tuyên tịch thu buộc bị cáo H phải nộp lại toàn bộ số tiền 820.993.250 đồng là có căn cứ, đúng quy định.

Ghi nhận việc bị cáo Trần Thị Kim A (vợ bị cáo H) tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng thu lợi bất chính. Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo Kim A đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002024 ngày 16-4-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Đỗ Đăng H, Trần Thị Kim A và Trương Duy N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Đăng H, Trần Thị Ki A1 và Trương Duy N; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2026/HS-ST ngày 21-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai về hình phạt.

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 327; điểm b, c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Đỗ Đăng H phạm tội "Chứa mại dâm" và tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Đỗ Đăng H 04 (bốn) năm tù về tội "Đánh bạc" và 06 (sáu) năm tù về tội "Chứa mại dâm".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, buộc bị cáo Đỗ Đăng H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2024.

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; các Điều 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim A phạm tội "Chứa mại dâm".

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Chứa mại dâm". Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Trương Duy N phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Trương Duy N 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 19/12/2024 đến 22/5/2025.

2. Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận việc bị cáo Trần Thị Kim A (vợ bị cáo H) tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng thu lợi bất chính. Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo Kim A đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002024 ngày 16-4-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Đỗ Đăng H, Trần Thị Kim A và Trương Duy N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai (PC01);
- Cơ quan Thi hành án Hình sự Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đồng Nai;
- Công an phường, xã nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng, Tòa Hình sự, Thẩm phán (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Nam Phương